TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 120/2026/QĐST-HNGĐ	*Ninh Bình, ngày 04 tháng 6 năm 2026.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 137/2026/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2026 về việc "Ly hôn", giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị A, sinh năm 1979.

Nơi đăng ký thường trú và cư trú tại: thôn X, xã Y, tỉnh Ninh Bình.

Căn cước công dân số: đã mã hóa; cấp ngày: 12/8/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ Công an.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1973.

Nơi đăng ký thường trú và cư trú tại: thôn X, xã Y, tỉnh Ninh Bình.

Căn cước số: đã mã hóa; cấp ngày: 07/10/2025; nơi cấp: Bộ Công an.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị A và anh Nguyễn Văn B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị A và anh Nguyễn Văn B thống nhất, thoả thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Phạm Thị A và anh Nguyễn Văn B thống nhất, thoả thuận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Văn C, sinh năm 2002 và Nguyễn Văn D, sinh năm 2004. Hiện nay 02 con chung đều đã thành niên và đều có khả

năng lao động tự lập được rồi. Nên chị A và anh B không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, về công nợ chung và về những vấn đề khác có liên quan: Chị Phạm Thị A và anh Nguyễn Văn B thống nhất, thoả thuận vợ chồng tự thoả thuận, giải quyết với nhau và không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị A và anh Nguyễn Văn B thống nhất, thoả thuận chị A nộp toàn bộ 150.000 đồng (Chị A tự nguyện nộp cả phần án phí của anh B). Số tiền 300.000 đồng chị A đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 3172 ngày 21 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình được đối trừ vào số tiền chị A phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm nêu trên. Hoàn trả lại cho chị A số tiền 150.000 đồng nhưng chị A tự nguyện không nhận lại và tự nguyện đề nghị Toà án sung vào ngân sách Nhà nước toàn bộ số tiền chị được hoàn trả lại. Do đó sung vào ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền 150.000 đồng của chị A được hoàn trả lại.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- VKSND Khu vực 8;
- UBND xã Y;
- Lưu Hồ sơ vụ án.
- Lưu VP Tòa án.

THẨM PHÁN

Vũ Văn Quân